

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2026

Về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Văn Thị Thu Vân.

2. Bà Trần Thị Bích Vân.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2026, về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 064197002018.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai;

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai – có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1997; Căn cước công dân số F;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai – có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện ngày 24/02/2026, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Kim Á trình bày:** Tôi và anh Trần Văn T qua quá trình tự do tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2021, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đến ngày 13/3/2021 chúng tôi đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai). Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nguyên nhân là tôi và anh T không cùng chung quan điểm sống, tính tình của anh T gia trưởng, thường có những lời nói xúc phạm và thậm chí còn đánh đập tôi nhiều lần. Nay tôi nhận thấy cuộc sống chung với anh T không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh T có 02 con chung, con thứ nhất tên là Trần Hải M, sinh ngày 28/6/2021, con thứ hai tên là Trần Khang H, sinh ngày 11/02/2024. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Hải M và Trần Khang H. Tôi cũng yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho tôi mỗi tháng là 4.000.000đ/02 con kể từ tháng 05/2026. Tôi cam đoan sẽ nuôi dưỡng con đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần và tạo mọi điều kiện để các con được phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn T trình bày:** Tôi công nhận về quan hệ hôn nhân như cô Á trình bày là đúng sự thật. Tôi và cô Huỳnh Thị Kim Á qua quá trình tự do tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2021, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đến ngày 13/3/2021 chúng tôi đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai). Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nguyên nhân là do cô Á và tôi không cùng chung quan điểm sống, tính tình của tôi và cô Á hay bất đồng, cũng có nhiều lần do nóng giận, không kiềm chế được khi cô Á phản ứng thái quá nên tôi có đánh cô Á. Trước đây, tôi thấy mình vẫn còn tình cảm với cô Á nên tôi muốn cô Á suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chung sống nuôi dạy con cái nhưng nay tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của cô Á.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và cô Á có 02 con chung là các cháu Trần Hải M, sinh ngày 28/6/2021 và Trần Khang H, sinh ngày 11/02/2024. Khi ly hôn thì tôi có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Trần Hải M và giao con chung là cháu Trần Khang H cho cô Á tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Kim Á được nuôi dưỡng cháu Trần Khang H, sinh ngày 11/02/2024 và giao cháu Trần Hải M, sinh ngày 28/6/2021 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Kim Á về việc buộc anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng) kể từ tháng 05 năm 2026

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Kim Á khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn T nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Trần Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/3/2021. Việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì anh chị đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, mất hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân là do chị Á với anh T không cùng chung quan điểm sống, tính tình của anh T gia trưởng, thường có những lời nói xúc phạm và thậm chí còn đánh đập chị Á nhiều lần. Nhận thấy mình và anh T đã không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên chị Á khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về phía bị đơn là anh Trần Văn T trước đây trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến cho rằng mình vẫn còn tình cảm với chị Á nên anh muốn chị suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn, quay trở lại cùng nhau chung sống, nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành nhưng tại phiên tòa anh T thay đổi ý kiến và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Á.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim Á cũng như ý kiến đồng ý của anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đồng thời vợ chồng còn có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Á và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh chị chưa thực sự hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau.

Thực tế thì chị Á cũng đã nộp đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng sau đó lại rút đơn về để khắc phục tình trạng hôn nhân của vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không thể khắc phục và chị lại tiếp tục xin ly hôn. Điều này chứng tỏ cuộc sống chung của vợ chồng anh chị đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được.

Việc mâu thuẫn của anh T và chị Á dẫn đến việc chị Á xin ly hôn là phù hợp với kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tại chính quyền địa phương.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Á với anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả chị Á và anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận sự thỏa thuận đó của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T có 02 con chung là các cháu Trần Hải M, sinh ngày 28/6/2021 và Trần Khang H, sinh ngày 11/02/2024.

Khi ly hôn chị Á có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu M và H đồng thời chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng). Về phía anh T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu M còn giao cháu H cho chị Á tiếp tục nuôi dưỡng, anh và chị Á không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Á và anh T, thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào khả năng và trách nhiệm của người đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bản thân các con của anh T và chị Á đều còn nhỏ nên cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Nếu như chấp nhận yêu cầu của anh T giao cho anh và chị Á mỗi người nuôi một cháu thì vô hình chung sẽ chia rẽ tình cảm anh em giữa hai cháu trong khi về mặt công việc và thời gian để lo cho con thì anh T không có điều kiện bằng chị Á (theo trình bày của chị Á và anh T tại phiên tòa thì anh T là công nhân, thường xuyên phải đi làm theo ca khoảng 10 tiếng đồng hồ mỗi ngày) và điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của hai cháu. Do đó, mặc dù nguyện vọng xin được nuôi con của anh T là chính đáng nhưng xem xét một cách toàn diện thì điều kiện nuôi dưỡng con của chị Á hiện tại tốt hơn so với anh T. Chính vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi của hai cháu M và H thì cần chấp nhận nguyện vọng của chị Á và giao cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Á yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng), kể từ tháng 05/2026.

Xét yêu cầu của chị Á về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình*”.

Tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan”.

Như vậy, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Theo quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con; cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Như vậy, việc chị Á (là người được giao trực tiếp nuôi con) yêu cầu anh T (là người không trực tiếp nuôi con) phải cấp dưỡng nuôi hai cháu M và H là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Về mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận hoặc căn cứ vào thu nhập, khả năng kinh tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng để ấn định cho phù hợp.

Xét về điều kiện kinh tế của chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T thấy rằng: Chị Á có nghề nghiệp là giáo viên mầm non, công việc ổn định nhưng thu nhập không cao. Đối với bản thân anh T hiện có nghề nghiệp là công nhân, công việc và thu nhập ổn định và cao hơn chị Á (theo lời khai của anh chị tại phiên tòa thì thu nhập của chị Á là gần 6.000.000 đồng/tháng còn thu nhập của anh T từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng tùy thời điểm). Tuy anh T và chị Á không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để chứng minh mức thu nhập hàng tháng của anh T nhưng xét thấy mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/cháu/tháng) theo yêu cầu của chị Á là phù hợp, đủ để trang trải chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại địa phương nên cần chấp nhận.

Theo quy định tại các Điều 82, 83; khoản 2 Điều 3, các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 275 của Bộ luật Dân sự thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Như vậy, đề nghị của chị Á về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng từ tháng 05/2026 cho đến khi các con thành niên và tự lập được là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án về quan hệ hôn nhân của chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con như đã phân tích ở trên là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Văn T phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim Á.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim Á và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Kim Á được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị và anh Trần Văn T là cháu Trần Hải M, sinh ngày 28/6/2021 và cháu Trần Khang H, sinh ngày 11/02/2024 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu M và H cho chị Huỳnh Thị Kim Á mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng), kể từ tháng 05 năm 2026 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Xử buộc chị Huỳnh Thị Kim Á phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004496 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G; chị Á đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Xử buộc anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Các đương sự;
- UBND phường An Bình, tỉnh Gia Lai (để lưu hồ sơ đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Huy Viễn